

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư¹ và Báo cáo số 512/BC-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Lai Châu về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

Thực hiện Kế hoạch số 178/KH-HĐND, ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về tổ chức kỳ họp thứ mười một HĐND huyện Mường Tè khóa XXI, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trên cơ sở các Nghị quyết, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh; các Quyết định giao kế hoạch vốn của tỉnh. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, quán triệt và ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, các quyết định giao kế hoạch vốn hàng năm², đồng thời đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư năm 2023; giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành để triển khai thực hiện. Đồng thời, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường kiểm tra cơ sở để nắm bắt tình hình giao kế hoạch vốn, tiến độ thực hiện các dự án để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; tăng cường giám sát, quản lý chất lượng các dự án. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; lập thẩm định, quyết định đầu tư dự án

¹ Văn bản số 4460/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024

² gồm: Quyết định số 2071/QĐ-UBND, ngày 16/12/2022 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện; Quyết định số 966/QĐ-UBND, ngày 20/7/2023 của UBND huyện về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; các chế độ, chính sách và điều chỉnh dự toán năm 2023; Công văn số 1149/UBND-TH, ngày 21/6/2023; Công văn số 2154/UBND-TH, ngày 05/07/2023; Công văn số 1196/UBND-TH, ngày 28/9/2023; Công văn số 2331/UBND-TH, ngày 30/10/2023...

và công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Hằng tháng UBND huyện tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình triển khai thực hiện, theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân và đề ra các nhiệm vụ giải pháp cho các tháng tiếp theo. Tổ chức đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo quy định hướng dẫn của trung ương, của tỉnh.

Việc triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. UBND huyện đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025³, Quyết định thành lập tổ giúp việc⁴. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 huyện Mường Tè⁵; 13/13 xã hoàn thành việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã; 14/14 xã, thị trấn đã thành lập Ban quản lý xã. Cơ cấu tổ chức Ban chỉ đạo gắn kết với nhiệm vụ cụ thể, chặt chẽ, thống nhất với vai trò đại diện cơ quan Nhà nước theo ngành, theo lĩnh vực, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể.

2. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023

2.1. Tình hình giao kế hoạch đầu tư công năm 2023

Tổng kế hoạch vốn NSNN năm 2023 được giao là 391.055 triệu đồng, trong đó: đã phân bổ chi tiết là 388.349 triệu đồng, số chưa phân bổ chi tiết 2.706 triệu đồng⁶. Cụ thể như sau:

- a) Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 giao là 368.009 triệu đồng; trong đó:
- Tổng số vốn đã giao chi tiết là 365.303 triệu đồng, gồm:
- Vốn ngân sách trung ương là 166.431 triệu đồng.
 - Vốn ngân sách địa phương là 62.739 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý là 16.051 triệu đồng.
 - + Vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý là 46.688 triệu đồng.

³ Quyết định số: 112/QĐ-UBND, ngày 21/02/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 680/QĐ-UBND, ngày 12/5/2023 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

⁴ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND huyện Mường Tè về việc thành lập Tổ giúp việc và giao nhiệm vụ hỗ trợ các xã thực hiện quản lý đầu tư các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Mường Tè.

⁵ Quyết định số: 77/QĐ-BCĐ, ngày 25/5/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 huyện Mường Tè; Quyết định số 47/QĐ-BCĐ, ngày 15/5/2023 về việc ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ thành viên BCĐ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Mường Tè.

⁶ gồm: Ngân sách địa phương 1.200 triệu tiền thu sử dụng đất cấp tỉnh bổ sung cho huyện; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi 1.506 triệu đồng (*Dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*)

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 136.133 triệu đồng, trong đó:
- + Chương trình MTQG xây dựng NTM là 2.433 triệu đồng.
- + Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 43.931 triệu đồng.
- + Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 89.769 triệu đồng.

Tổng kế hoạch vốn chưa giao chi tiết đến thời điểm báo cáo là 2.706 triệu đồng, (*Ngân sách địa phương 1.200 triệu tiền thu sử dụng đất cấp tỉnh bổ sung cho huyện; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi 1.506 triệu đồng thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*). Lý do chưa phân bổ chi tiết: Đối với vốn thu sử dụng đất cấp tỉnh bổ sung cho huyện, tỉnh giao muộn bên cạnh đó các dự án chưa triển khai phê duyệt được, nên chưa đủ cơ sở, điều kiện để phân bổ chi tiết. Đối với vốn chương trình MTQG do cơ chế đầu tư phức tạp, đến thời điểm báo cáo dự án đầu tư chưa triển khai phê duyệt được, nên chưa đủ cơ sở, điều kiện để phân bổ chi tiết thực hiện.

b) Kế hoạch năm 2022 được kéo dài thanh toán sang năm 2023

Tổng kế hoạch vốn được phép kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 23.046 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình MTQG xây dựng NTM: Kế hoạch vốn được phép kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 6.571 triệu đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Kế hoạch vốn được phép kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 7.639 triệu đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Kế hoạch vốn được phép kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 8.836 triệu đồng.

2.2. Tình hình điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023

Để đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2023 đã được tỉnh giao, UBND huyện Mường Tè đã rà soát, thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023 nguồn nguồn NSĐP⁷ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

3. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023

Tổng vốn đã giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 201.392 triệu đồng (*bao gồm cả vốn kéo dài*), đạt 51,50% kế hoạch, bằng 51,86% kế hoạch vốn đã giao chi tiết, cụ thể như sau:

3.1. Kế hoạch vốn giao năm 2023

⁷ Quyết định số 2632/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023 của UBND huyện Mường Tè về việc điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 186.764 triệu đồng, đạt 50,75% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/01/2024 là 355.680 triệu đồng, đạt 96,65% kế hoạch, cụ thể:

a) Vốn ngân sách Trung ương

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 42.981 triệu đồng, bằng 25,82% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/01/2024 là 166.431 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Vốn bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023 (02 dự án), kế hoạch vốn được giao là 76.531 triệu đồng, giải ngân 2.803 triệu đồng, đạt 3,66% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 76.531 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Vốn bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 (02 dự án) kế hoạch vốn được giao năm 2023 là 89.900 triệu đồng, giải ngân là 40.178 triệu đồng, đạt 44,69% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 89.900 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

b) Vốn ngân sách địa phương

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 43.906 triệu đồng, đạt 68,67% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/01/2024 là 54.039 triệu đồng, đạt 84,52% kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý.

Tổng giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 9.518 triệu đồng, bằng 59,3% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/01/2024 là 16.051 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án đã quyết toán (07 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 981 triệu đồng, giải ngân là 857 triệu đồng, đạt 87,39% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 981 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 (01 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 7.320 triệu đồng, giải ngân là 3.995 triệu đồng, đạt 54,57% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 7.320 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024 (01 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 7.750 triệu đồng, giải ngân là 4.666 triệu đồng, đạt 60,21% kế hoạch, ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 7.750 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý.

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 34.388 triệu đồng, bằng 71,81% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/01/2024 là 37.988 triệu đồng, đạt 79,33% kế hoạch, cụ thể:

* *Cân đối ngân sách huyện*

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 25.479 triệu đồng, bằng 93,43% kế hoạch vốn giao; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 27.272 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án đã phê duyệt quyết toán (04 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 1.061 triệu đồng, giải ngân thời điểm báo cáo là 1.061 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023 (14 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 14.261 triệu đồng, giải ngân là 13.298 triệu đồng, đạt 93,25% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 14.261 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 (06 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 11.950 triệu đồng, giải ngân là: 11.120 triệu đồng, đạt 93,06% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 11.950 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

** Vốn thực hiện các chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025*

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 5.595 triệu đồng, bằng 84,57% kế hoạch vốn giao, ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 6.616 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Vốn bố trí các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 (03 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 6.616 triệu đồng, giải ngân là 5.595 triệu đồng, đạt 84,57% kế hoạch, ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 6.616 triệu đồng; ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

** Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất*

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 3.313 triệu đồng, bằng 25,88% kế hoạch vốn giao; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 3.600 triệu đồng, đạt 28,13% kế hoạch (*nguyên nhân là do số thu không đảm bảo theo kế hoạch giao*).

+ Vốn bố trí các dự án đã phê duyệt quyết toán (01 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là: 57 triệu đồng; đến thời điểm báo cáo chưa thực hiện giải ngân; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 57 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023 (01 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là: 10.543 triệu đồng, giải ngân là 1.913 triệu đồng, đạt 18,14% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 2.143 triệu đồng, ước đạt 20,32 % kế hoạch vốn giao, (*Ước giải ngân đạt thấp là do không đảm bảo nguồn thu để giải ngân*).

+ Vốn bố trí các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 (02 dự án), kế hoạch năm 2023 giao là: 2.200 triệu đồng, giải ngân là 1.400 triệu đồng, đạt 63,63% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 1.400 triệu đồng, ước đạt

63,63% kế hoạch vốn giao (*Ước giải ngân đạt thấp là do không đảm bảo nguồn thu để giải ngân*).

c) Vốn ngân sách TW thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 99.877 triệu đồng, bằng 73,36% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/01/2024 là 135.210 triệu đồng, đạt 98,24% kế hoạch, cụ thể:

- Chương trình MTQG xây dựng NTM: Giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 1.590 triệu đồng, bằng 65,34% kế hoạch vốn giao; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 2.433 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Vốn bố trí các dự án chuyển tiếp (01 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 511 triệu đồng, giá trị giải ngân 511 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án khởi công mới năm 2023 (03 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 1.922 triệu đồng, giải ngân là 1.079 triệu đồng, đạt 56,12% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 1.922 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 36.041 triệu đồng, bằng 82,04% kế hoạch vốn giao, ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 43.931 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Vốn bố trí các dự án chuyển tiếp (22 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 43.731 triệu đồng, giải ngân là 35.841 triệu đồng, đạt 81,96% kế hoạch; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 43.731 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án khởi công mới năm 2023 (01 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 200 triệu đồng, giải ngân là 200 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 62.246 triệu đồng, bằng 68,2% kế hoạch vốn giao; ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 88.846 triệu đồng, đạt 97,34% kế hoạch.

+ Vốn bố trí các dự án chuyển tiếp (50 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 57.002 triệu đồng, giải ngân là 39.900 triệu đồng, đạt 70% kế hoạch, ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 54.573 triệu đồng; ước đạt 95,37% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn bố trí các dự án khởi công mới năm 2023 (17 dự án), kế hoạch vốn giao năm 2023 là 34.273 triệu đồng, giải ngân là 22.364 triệu đồng, đạt 65,20% kế hoạch, ước giá trị giải ngân đến 31/01/2024 là 34.273 triệu đồng, ước đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3.2. Kế hoạch năm 2022 được kéo dài thanh toán sang năm 2023

Tổng giá trị giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 14.628 triệu đồng, bằng 63,47% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/12/2023 là 21.233 triệu đồng, đạt 92,13% kế hoạch, cụ thể:

- Chương trình MTQG xây dựng NTM: Giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 3.569 triệu đồng, bằng 54,32% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/12/2023 là 6.571 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 6.381 triệu đồng, bằng 83,53% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/12/2023 là 7.639 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giải ngân đến thời điểm 30/11/2023 là 4.678 triệu đồng, bằng 52,94% kế hoạch; ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến hết 31/12/2023 là 7.023 triệu đồng, đạt 79,48% kế hoạch.

(Chi tiết có các biểu 01,02,03,04 kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật

Huyện Mường Tè luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Thường trực HĐND-UBND tỉnh, các sở, ban, ngành nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Bên cạnh đó dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện và sự nỗ lực quyết tâm của UBND huyện cùng với các cơ quan, ban ngành, các chủ đầu tư và nhà thầu thi công đã chủ động, tích cực triển khai giao kế hoạch vốn năm 2023 kịp thời; cùng vào cuộc để đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các nguồn vốn đã được phân bổ trong năm 2023; công tác giải ngân kế hoạch vốn đầu tư được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt.

Tình hình tổ chức lựa chọn nhà thầu và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn về cơ bản đã đảm bảo theo đúng kế hoạch, đúng danh mục, đúng tiến độ và nguồn vốn của tỉnh đã phân bổ cho huyện. UBND huyện đã duy trì Tổ công tác đơn đốc, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong thực hiện và giải ngân các dự án trên địa bàn huyện, thường xuyên kiểm tra cơ sở để nắm bắt tình hình giao kế hoạch vốn, tiến độ thực hiện các dự án, kịp thời chỉ đạo nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; Đã tổ chức họp BCD các chương trình MTQG và kiện toàn BCD các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện; kiện toàn Tổ giúp việc và giao nhiệm vụ hỗ trợ các xã thực hiện quản lý đầu tư các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 để giúp các xã hoàn thiện các thủ tục đầu tư đảm bảo thời gian và tiến độ.

Quy trình đầu tư xây dựng cơ bản đã được các chủ đầu tư quan tâm, chú trọng triển khai thực hiện tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy định hiện hành của Trung ương và của tỉnh.

2. Những khó khăn, hạn chế

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc và là điểm tắc nghẽn lớn nhất dẫn đến một số dự án triển khai chậm, giải ngân thấp.

- Việc giao chi tiết kế hoạch vốn có nội dung chưa đảm bảo thời gian theo quy định (*trước 31/12/2022*). Đến nay vẫn còn 2.706 triệu đồng vốn chưa phân bổ chi tiết được (*Ngân sách địa phương 1.200 triệu tiền thu sử dụng đất cấp tỉnh bổ sung cho huyện; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi 1.506 triệu đồng*)

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 đến thời điểm báo cáo đang đạt khá thấp (*mới đạt 51,5% kế hoạch*), chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Nguồn vốn thu sử dụng đất chưa đảm bảo, dẫn đến không có vốn để giải ngân cho các dự án, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư chung của huyện.

3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

- Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang đất khác theo Luật Lâm nghiệp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; thủ tục thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phải thực hiện nhiều bước (thời gian từ lúc có có thông báo thu hồi đất đến khi có quyết định thu hồi đất 90 ngày đối với đất nông nghiệp, 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp) đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện các dự án, mặt khác đơn giá bồi thường về đất, tài sản thấp hơn so với giá thị trường khó tạo được sự đồng thuận của người bị thu hồi đất,

- Các dự án vốn ngân sách trung ương được giao vốn lớn tuy nhiên, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, triển khai chậm nên chưa có khối lượng thực hiện để nghiệm thu thanh toán từ đầu năm. Các dự án chương trình MTQG đang triển khai thi công và chủ yếu là các dự án có quy mô nhỏ nên thường thực hiện hoàn thành dự án mới hoàn tất thủ tục nghiệm thu thanh toán 01 lần vào cuối năm.

- Nguồn cung cấp vật liệu (cát, đá...) còn khan hiếm, không đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án. Bên cạnh đó giá nguyên vật liệu có thời điểm tăng cao, mặt khác lãi xuất cho vay ở những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023 giữ ở mức cao làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của các doanh nghiệp; đa phần các hợp đồng "trộn gói" không được điều chỉnh giá nên ảnh hưởng rất lớn đến việc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Trong 11 tháng đầu năm đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất được 02 cuộc theo đúng kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, số lượng các lô đất trúng đấu giá ít, tiền thu được chỉ đạt 4.257 triệu đồng, chỉ đạt gần 30% so với kế hoạch giao.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành năm 2023, dự kiến hoàn thành năm 2024, các dự án chuyển tiếp theo tiến độ, bố trí thực hiện các dự án có quan trọng thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, các Đề án chương trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết. Khởi công mới các dự án theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. NGUYÊN TẮC VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Việc bố trí vốn NSNN năm 2024 phải tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/07/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025; các nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn các chương trình MTQG, vốn ngân sách địa phương.

2. Tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án quan trọng có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển

3. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng cân đối năm 2024, và tình hình triển khai thực hiện các dự án.

4. Thứ tự ưu tiên phân bổ như sau:

(1) Bố trí đủ vốn theo quy định chung của tỉnh;

(2) Bố trí cho các dự án đã hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán còn nhu cầu.

(3) Bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

(4) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt và quy định về thời gian bố trí vốn.

(5) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

III. DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Tổng kế hoạch vốn năm 2024 là 266.718 triệu đồng. Cụ thể:

1. Nguồn ngân sách Trung ương: (Theo phương án phân bổ của tỉnh)

Tổng kế hoạch vốn phân bổ là 57.715 triệu đồng. Bố trí vốn cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 là 57.715 triệu đồng.

2. Nguồn ngân sách địa phương:

Tổng kế hoạch dự kiến phân bổ là 60.285 triệu đồng, trong đó:

2.1. Ngân sách cấp tỉnh quản lý. (Theo phương án phân bổ của tỉnh)

Tổng kế hoạch dự kiến phân bổ là 17.572 triệu đồng, gồm:

- Bố trí vốn cho 03 dự án đã phê duyệt quyết toán là 9.714 triệu đồng.
- Bố trí cho 01 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 là 2.122 triệu đồng.
- Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024 là 2.736 triệu đồng.
- Bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2024 là 3.000 triệu đồng.

2.2. Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý.

Tổng kế hoạch dự kiến phân bổ là 42.713 triệu đồng, trong đó:

a) Cân đối ngân sách huyện là 29.170 triệu đồng, gồm:

- Bố trí cho 03 dự án đã phê duyệt quyết toán là 3.222 triệu đồng.
- Bố trí cho 03 dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023 là 1.689 triệu đồng.
- Bố trí cho 06 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 là 11.550 triệu đồng.
- Các dự án khởi công mới 2024 dự kiến phân bổ là 2.200 triệu đồng (để lại phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện).
- Bố trí lồng ghép thực hiện các chương trình MTQG 08 dự án là 10.500 triệu đồng;

b) Thực hiện các chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 là 5.543 triệu đồng, gồm:

- Bố trí cho 01 dự án thuộc đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung là 3.052 triệu đồng;
- Bố trí cho 02 dự án đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là 2.491 triệu đồng.

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 8.000 triệu đồng, gồm:

- Bố trí thực hiện đầu tư công trình hạ tầng các khu, điểm quy hoạch bán đấu giá quyền SDD là 6.800 triệu đồng, cho 01 dự án dự kiến hoàn thành.
- Bố trí chi đầu tư chương trình xây dựng NTM là 1.200 triệu đồng cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024.

3. Nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình MTQG: (theo phương án phân bổ của tỉnh)

Tổng kế hoạch vốn là 148.718 triệu đồng, trong đó:

3.1. Chương trình MTQG xây dựng NTM là 2.487 triệu đồng, gồm:

- Bố trí cho 17 dự án dự kiến hoàn thành 2023 là 1.437 triệu đồng.

- Bố trí cho 03 dự án chuyển tiếp là 1.050 triệu đồng.

3.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 53.217 triệu đồng, gồm:

- Bố trí cho 22 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 là 52.545 triệu đồng.

- Bố trí cho 03 dự án chuyển tiếp là 672 triệu đồng.

3.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 93.013 triệu đồng, gồm:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề nước sinh hoạt là 2.175 triệu đồng.

Bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp là 2.175 triệu đồng.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết là 5.227 triệu đồng.

Bố trí cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 là 5.227 triệu đồng.

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị là 2.460 triệu đồng.

Các dự án chưa đủ điều kiện phân bổ là 2.460 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 48.253 triệu đồng.

+ Bố trí cho 18 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 là 8.140 triệu đồng.

+ Bố trí cho 07 dự án chuyển tiếp là 40.113 triệu đồng.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là 6.339 triệu đồng

+ Bố trí cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 là 499 triệu đồng.

+ Bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp là 3.329 triệu đồng.

+ Các dự án chưa đủ điều kiện phân bổ là 2.511 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch là 4.998 triệu đồng

+ Bố trí cho 06 dự án chuyển tiếp là 210 triệu đồng.

+ Các dự án chưa đủ điều kiện phân bổ là 3.998 triệu đồng.

+ Các dự án khởi công mới 2024 chưa đủ điều kiện phân bổ là 800 triệu đồng.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn là 23.331 triệu đồng.

+ Bố trí cho 10 dự án hoàn thành năm 2024 là 10.831 triệu đồng;

+ Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp là 3.560 triệu đồng;

+ Các dự án khởi công mới 2024 chưa đủ điều kiện phân bổ là 8.940 triệu đồng.

(Chi tiết có các biểu 01, 02, 03, 04 kèm theo)

IV. DỰ KIẾN CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024

Với phương án phân bổ *(bao gồm)* cả vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên tập trung bố trí cho các dự án sau quyết toán, các dự án hoàn thành trong năm 2023 và dự kiến hoàn thành trong năm 2024, các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024 và dự án khởi công mới năm 2024, các chương trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết đại hội tỉnh, trên các ngành, lĩnh vực phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2024, nhằm góp phần đảm bảo an sinh xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, cải thiện sinh kế góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội hoàn thiện phát triển cơ sở hạ tầng, các nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Để triển khai kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 đảm bảo mục tiêu đúng tiến độ, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; các cấp các ngành cần quán triệt và thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các Chỉ thị của Bộ, ngành Trung ương, Nghị quyết HĐND tỉnh, huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2024; đồng thời tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Tiếp tục quán triệt và bám sát các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công. Trên cơ sở cam kết giải ngân, chỉ đạo các chủ đầu tư đơn độc các nhà thầu tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án; tập trung nghiêm thu khối lượng và thanh toán giải ngân vốn đầu tư, thu hồi vốn tạm ứng đảm bảo theo kế hoạch.

2. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án, cần tuyển chọn tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm thiết kế dự án, đảm bảo chất lượng, phù hợp với thực tế, tránh phải điều chỉnh trong quá trình triển khai. Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định pháp luật. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý đấu thầu theo hướng dẫn công khai minh bạch. Thường xuyên giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công, xử lý nghiêm những hành vi, vi phạm pháp luật, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư. Xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

3. Tập chung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, tiếp tục động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về các

thủ tục đất đai, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2024.

4. Tích cực phối hợp các sở, ngành của tỉnh, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án khởi công mới năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh và vốn NSTW để đảm bảo điều kiện thực hiện giao kế hoạch vốn và triển khai thực hiện. Chỉ đạo các chủ đầu tư, các đơn vị khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 thuộc các nguồn vốn ngân sách cấp huyện quản lý để đảm bảo điều kiện thực hiện giao kế hoạch vốn và triển khai thực hiện sớm nhất.

5. Tập trung xây dựng kế hoạch, sớm triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá, thu tiền sử dụng đất, kịp thời đưa nguồn vào giải ngân đầu tư ngay từ đầu năm kế hoạch. Thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo quy định của Luật Đấu thầu; triển khai quyết liệt việc thực hiện đấu thầu qua mạng. Tăng cường các biện pháp nâng cao tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu trên tất cả các hình thức lựa chọn nhà thầu. Đẩy nhanh hoàn thiện các thủ tục rút vốn, thanh toán vốn đầu tư công, quyết toán dự án hoàn thành trong thời gian sớm nhất, tăng cường công tác hậu kiểm, đảm bảo giải ngân vốn đầu tư công hiệu quả, đúng quy định.

6. Chỉ đạo các Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch giải ngân từng tháng cho từng dự án theo biểu tiến độ, yêu cầu các nhà thầu cam kết thực hiện; thường xuyên tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện từng công trình, từng dự án, bao gồm tiến độ thi công, năng lực nhà thầu, khối lượng nghiệm thu so với kế hoạch vốn đã giao....báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời xử lý các khó khăn vướng mắc. Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, không đáp ứng chất lượng công trình, các cá nhân cố tình cản trở, gây khó khăn làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án.

7. Chỉ đạo các Chủ đầu tư nghiệm thu khối lượng theo hạng mục hoặc giai đoạn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân thanh toán cho nhà thầu, tránh thanh toán dồn ép nguồn vốn vào những tháng cuối năm, phấn đấu đến 31/12/2024 giải ngân 100% kế hoạch vốn kéo dài (nếu có) và đến 31/01/2025 sẽ thanh toán hết kế hoạch vốn đã được phân bổ chi tiết trong năm 2024.

8. Tiếp tục phát huy vai trò Ban chỉ đạo trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia. Cùng cố phát huy hiệu quả của BCD các Chương trình MTQG, Tổ giúp việc và giao nhiệm vụ hỗ trợ các xã thực hiện quản lý đầu tư các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Thường xuyên rà soát, phát hiện các khó khăn vướng mắc của các dự án; nâng cao vai trò giám sát cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng công trình, dự án.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 của UBND huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Đào Văn Khánh**

Biểu số 01

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023, DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NĂM 2024 - HUYỆN MƯỜNG TÈ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè)

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2023			Giải ngân đến hết ngày 30/11/2023			Tỷ lệ giải ngân (%)			Ước giải ngân đến hết năm 2023	Ước giải ngân vốn kéo dài đến hết 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn giao năm 2023	Vốn kéo dài năm 2022 sang 2023	Tổng	Giải ngân KH năm 2023	Giải ngân vốn kéo dài	Chung	Vốn giao năm 2023	Vốn kéo dài năm 2022 sang 2023				
	Tổng số	391.055	368.009	23.046	201.392	186.764	14.628	51.50	50.75	63.47	355.680	21.233	266.718	
I	Ngân sách Trung ương	166.431	166.431		42.981	42.981		25.82	25.82		166.431		57.715	Chi tiết theo Biểu số 02
II	Ngân sách địa phương	63.939	63.939	-	43.906	43.906	-	68.67	68.67		54.039	-	60.285	
1	Ngân sách địa phương tỉnh quản lý	16.051	16.051	-	9.518	9.518	-	59.30	59.30	-	16.051	-	17.572	Chi tiết theo Biểu số 03
2	Ngân sách địa phương huyện quản lý	47.888	47.888	-	34.388	34.388	-	71.81	71.81	-	37.988	-	42.713	
-	<i>Cân đối ngân sách huyện</i>	<i>27.272</i>	<i>27.272</i>		<i>25.479</i>	<i>25.479</i>		<i>93.43</i>	<i>93.43</i>		<i>27.272</i>		<i>29.170</i>	
-	<i>Thực hiện các chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025</i>	<i>6.616</i>	<i>6.616</i>		<i>5.595</i>	<i>5.595</i>		<i>84.57</i>	<i>84.57</i>		<i>6.616</i>		<i>5.543</i>	Chi tiết theo Biểu số 03
-	<i>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>	<i>12.800</i>	<i>12.800</i>		<i>3.313</i>	<i>3.313</i>		<i>25.88</i>	<i>25.88</i>		<i>3.600</i>		<i>8.000</i>	
-	<i>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (thực hiện NQ số 41/HĐND tỉnh)</i>	<i>1.200</i>	<i>1.200</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		<i>500</i>		<i>-</i>	
III	Ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG	160.685	137.639	23.046	114.505	99.877	14.628	71.26	72.56	63.47	135.210	21.233	148.718	
1	Chương trình MTQG NTM	9.004	2.433	6.571	5.159	1.590	3.569	57.30	65.34	54.32	2.433	6.571	2.487	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo	51.570	43.931	7.639	42.422	36.041	6.381	82.26	82.04	83.53	43.931	7.639	53.217	Chi tiết theo Biểu số 04
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	100.111	91.275	8.836	66.924	62.246	4.678	66.85	68.20	52.94	88.846	7.023	93.013	

Biểu số 02
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Quyết định đầu tư			Năm 2023			Tỷ lệ giải ngân ngân đến thời điểm BC	Khối lượng thực hiện		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết Kế hoạch năm 2023	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn NSTW năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó: NSTW	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Lũy kế từ khởi công đến 10/10/2023	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo				
	TỔNG SỐ				504.000	504.000	166.431	42.981	166.431	25.82	296.489	69.150	444.393	57.715		
1	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023				229.000	229.000	76.531	2.803	76.531	3.66	170.010	38.271	227.108	-		
(1)	Sắp xếp ổn định các điểm dân cư: Mò Lò, Sa Thàng xã Mù Cà, điểm Nậm Kha Á, Pà Khà, U Nal-2, Tia Ma Mú, Pa Tét xã Tà Tổng, huyện Mường Tè;	Tà Tổng	20-23	1734-04/12/2020	149.000	149.000	51.432	1.605	51.432	3.12	126.900	13.900	147.634		Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	Sắp xếp ổn định dân cư 02 xã Tà Tổng, Mù Cà	Mù Cà + Tà Tổng	20-23	1735-04/12/2020	80.000	80.000	25.099	1.198	25.099	4.77	43.110	24.371	79.474		Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				275.000	275.000	89.900	40.178	89.900	44.69	126.479	30.879	217.285	57.715		
(1)	Nâng cấp đường giao thông Nậm Lăn - Mốc 17	huyện Mường Tè	21-24	997-30/07/2021	190.000	190.000	68.500	21.967	68.500	32.07	63.979	18.879	144.385	45.615	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	Nâng cấp đường giao thông đến trung tâm các xã huyện Mường Tè	huyện Mường Tè	22-25	1611-06/12/2021	85.000	85.000	21.400	18.211	21.400	85.10	62.500	12.000	72.900	12.100	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
4	Dự án khởi công mới năm 2024				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện

Biểu số 03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Năm 2023			Tỷ lệ giải ngân ngân đến thời điểm báo cáo	Khối lượng thực hiện		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó NSDP	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Lũy kế từ khởi công đến 10/10/2023	Thực hiện từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo				
TỔNG SỐ					1.113.221	308.877	63.939	43.906	54.039	68,67	222.593	25.330	156.178	60.285		
A	Ngân sách địa phương tỉnh quản lý				535.530	113.556	16.051	9.518	16.051	59,30	35.179	10.252	21.599	17.572		
I	Dự án đã quyết toán				455.560	33.586	981	857	981	87,39	18.481	-	981	9.714		-
(1)	Tu sửa, nâng cấp các trạm y tế xã, huyện Mù Cang Chải	huyện Mù Cang Chải		133-28/10/2016	3.500	3.500	27	27	27	100			27	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	Thủy lợi Coòng Khả, xã Thu Lũm, huyện Mù Cang Chải	Thu Lũm		289-09/03/2011	9.800	201	201	201	201	100			201	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(3)	Tuyến kè chống xói, lở bảo vệ bờ suối khu vực cột mốc 16 (2), Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải	Mù Cang Chải		1513-09/11/2010	19.700	156	156	156	156	100			156	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(4)	Đường giao thông đến bản Nậm Khao, huyện Mù Cang Chải	Nậm Khao		1262-25/10/2012	11.300	9.918	112	112	112	100			112	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(5)	San gạt mặt bằng nhà ở + thoát nước môi trường điểm trường ĐCĐC Xé Ma xã Tả Tổng, huyện Mù Cang Chải	Vàng San		1331-27/10/2014	10.000	31	31	31	31	100			31	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(6)	Trường THCS xã Tả Bạ, huyện Mù Cang Chải	Tả Bạ		1366-28/10/2014	13.280	13.280	124		124	-	12.091		124	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(7)	Trụ sở khối đoàn thể, huyện Mù Cang Chải	H. Mù Cang Chải		1232-25/12/2012	6.500	6.500	330	330	330	100	6.390		330	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(8)	Đường giao thông liên vùng liên vùng Tả Bạ - Pa Ủ, huyện Mù Cang Chải	H. Mù Cang Chải		31-30/10/2016; 639-04/6/2021	300.000									4.143	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(9)	Đường giao thông đến bản Nhoíh Pô xã Tả Bạ huyện Mù Cang Chải	H. Mù Cang Chải		1395-29/10/2014; 478-18/5/2017	66.500									5.509	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(10)	Trường mầm non số 2 xã Tả Tổng, huyện Mù Cang Chải	Tả Tổng		1300-27/10/2016; 709-11/6/2020	14.980									62	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				14.990	14.990	7.320	3.995	7.320	54,57	9.879	3.953	12.868	2.122		-
(1)	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thị trấn Mù Cang Chải	H. Mù Cang Chải	22-24	1626-06/12/2021	14.990	14.990	7.320	3.995	7.320	54,57	9.879	3.953	12.868	2.122	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				14.980	14.980	7.750	4.666	7.750	60,21	6.819	6.299	7.750	2.736		-
(1)	Nâng cấp đường đi bản Pa Thắng, xã Thu Lũm, huyện Mù Cang Chải	H. Mù Cang Chải	23-25	1576-02/12/2022	14.980	14.980	7.750	4.666	7.750	60,21	6.819	6.299	7.750	2.736	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
4	Các dự án khởi công mới năm 2024				50.000	50.000	-	-	-	-	-	-	-	3.000		-
(1)	Hạ tầng kỹ thuật khối cơ quan, khu dân cư, khu công cộng thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải	H. Mù Cang Chải	24-26	2069-14/11/2023	50.000	50.000	-	-	-	-	-	-	-	3.000	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt		Năm 2023			Tỷ lệ giải ngân ngân đến thời điểm báo cáo	Khối lượng thực hiện		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó NSDP	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Lũy kế từ khởi công đến 10/10/2023					Thực hiện từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo
B	Ngân sách địa phương huyện quản lý				577.691	195.321	47.888	34.388	37.988	71.81	187.414	15.078	134.579	42.713		
I	Cân đối ngân sách huyện				526.709	147.100	27.272	25.479	27.272	93.43	160.948	6.659	102.159	29.170		
I	Bố trí cho các dự án sau quyết toán				353.602	34.000	1.061	1.061	1.061	400	46.831	-	31.386	3.222		
(1)	Trường THCS xã Vàng Sơn	Vàng Sơn	2014	1113-21/10/2013	68.046		474	474	474	100.00	13.978		474	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	Đường Pắc Ma - U Ma Tu Khòong (đoạn Pắc Ma - Thu Lũm), huyện Mường Tè.	Thu Lũm	09-11	359-01/04/2009	211.656		146	146	146	100.00			146	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(3)	Đường giao thông tuyến Pa Ủ - Hà Si	Pa Ủ		1944-06/11/2008	14.000		363	363	363	100.00			363	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(4)	Hạng mục phụ trợ bán trú trường THCS xã Mù Cà	xã Mù Cà		155-21/01/2019	900		78	78	78	100.00			78	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
*	<i>Trả nợ các dự án quyết toán trong năm 2023 và 2024</i>															
(1)	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Mường Tè (GD II)	Thị trấn	18-20	1510a-31.10.2017	32.000	32.000					31.186		28.800	2.380	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	Hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Cờ Lò 1, 2 Xã Pa Ủ (GD 2)	Pa Ủ	17-19	1443A-25/09/2017	2.000	2.000					1.667		1.525	140	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(3)	Đường giao thông Nậm Phìn - Cờ Lò 1, huyện Mường Tè	H. Mường Tè		91-28/10/2016	25.000									702	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023				67.547	46.500	14.261	13.298	14.261	93.25	66.217	1.412	56.832	1.698		
(1)	Mặt bằng hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Là Si, xã Tá Ba	Tá Ba		2048-31/10/18	6.997		169	169	169	100.00	6.940		5.851	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	Xây dựng phòng họp Huyện ủy, huyện Mường Tè	Thị trấn	19-20	2824-18/10/19	6.800		125	125	125	100.00	6.650		4.335	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(3)	Sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pa Thoáng trên với bản Đầu Nậm Xá	Bum Tờ	19-20	2046a/31.10.19	6.950		49	49	49	100.00	6.788		2.739	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(4)	Xây dựng bổ sung trường PTDTBT TH, THCS xã Can Hồ	Can Hồ	21-22	3557-31/12/2020	6.000	6.000	1.057	1.057	1.057	100.00	5.980		5.907	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(5)	Nhà hiệu bộ, phòng học chức năng trường THCS Thu Lũm	Thu Lũm	21-22	3559-31/12/2020	6.500	6.500	1.297	1.297	1.297	100.00	6.497		6.496	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(6)	Phòng học chức năng trường TH, THCS Bum Nưa	Bum Nưa	21-22	3558-31/12/2020	4.200	4.200	827	827	827	100.00	4.196		4.187	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(7)	Sửa chữa nhà lớp học, nhà bán trú và các HMPT trường THCS xã Mù Cà	Mù Cà	21-22	3561-31/12/2020	2.050	2.050	330	304	330	92.20	1.800		1.990	-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	
(8)	Kè chống sạt bảo vệ trường TH, THCS, xã Tá Ba	Tá Ba	21-22	3491-29/12/2020	2.100	2.100	312	312	312	100.00	2.084		2.032	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Năm 2023			Tỷ lệ giải ngân ngân đến thời điểm báo cáo	Khối lượng thực hiện		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó NSDP	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Lũy kế từ khởi công đến 10/10/2023	Thực hiện từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo				
(9)	Thủy lợi Nhù Cư Ló Cá, xã Thu Lũm	Thu Lũm	21-22	3552-31/12/2020	3.500	3.500	562	562	562	100.00	3.449		3.412	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(10)	Thủy lợi Phu Khà Ló Cá, xã Thu Lũm	Thu Lũm	21-22	3554-31/12/2020	3.600	3.600	644	644	644	100.00	3.563		3.544	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(11)	Nâng cấp thủy lợi Nậm Dinh, xã Tà Tổng	Tà Tổng	21-22	3553-31/12/2020	3.400	3.100	339	339	339	100.00	3.089		3.089	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(12)	Trường mầm non xã Ka Lăng, huyện Mường Tè (Hạng mục phụ trợ)	Ka Lăng	2022	2225-15/12/2021	2.500	2.500	1.350	1.179	1.350	87.34	2.310	1.412	2.250	100	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(13)	Phòng họp trực tuyến Huyện ủy, huyện Mường Tè (GDII)	Thị trấn	2022	2224-15/12/2021	6.950	6.950	3.900	3.134	3.900	80.35	6.900		5.900	728	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(14)	Nhà đa năng trường THCS thị trấn, huyện Mường Tè	Thị trấn	2022	2223-15/12/2021	6.000	6.000	3.300	3.300	3.300	100.00	5.970		5.100	870	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	Đã QT
3	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				28.720	28.720	11.950	11.120	11.950	93.06	15.205	5.247	13.941	11.550		
(1)	Hạ tầng đô thị, điện chiếu sáng thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	22-24	2207-10/12/2021	20.000	20.000	9.000	9.000	9.000	100.00	12.728	3.028	11.000	7.500	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	San gạt mặt bằng, cấp nước sinh hoạt điểm sắp xếp dân cư Nậm Suông, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Vàng San	22-24	2110-07/10/2022	5.000	5.000	1.600	990	1.600	61.88	460	310	1.600	2.200	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG tăng thu
(3)	Nâng cấp bổ sung, các hạng mục phụ trợ trường MN Pa Ủ (trung tâm và các điểm bản)	Pa Ủ	22-24	2004-22/9/2022	1.700	1.700	950	900	950	94.75	1.687	1.579	941	650	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG tăng thu
(4)	Bổ sung HMPT điểm trường bán Nà Phây, trường PTDT bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở xã Vàng San, huyện Mường Tè	Vàng San	22-24	2028-22/9/2022	370	370	230	230	230	100.00	330	330	230	100	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG tăng thu
(5)	Hạng mục phụ trợ điểm trường mầm non + tiểu học Khoang Thèn, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Pa Vệ Sủ	23-24	2297-10/8/2022	800	800	80		80	-			80	500	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG tăng thu
(6)	Bổ sung các hạng mục trường mầm non Bum Tờ, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Bum Tờ	23-24	2029-22/9/2022	850	850	90		90	-			90	600	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG tăng thu
4	Các dự án khởi công mới năm 2024				13.500	9.500	-	-	-		-	-	-	2.200		Phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện
(1)	Nâng cấp trường Tiểu học thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	24-26		6.500	4.500										
(2)	Kè chống sạt lở + cầu điểm sắp xếp dân cư bản Mù Su xã Mù Cà	Mù Cà	24-26		7.000	5.000										
5	Lồng ghép thực hiện các chương trình MTQG				63.340	28.380	-	-	-		32.695	-	-	10.500		

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt		Năm 2023			Tỷ lệ giải ngân ngân đến thời điểm báo cáo	Khối lượng thực hiện		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó NSDP	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Lũy kế từ khởi công đến 10/10/2023					Thực hiện từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo
	Chương trình MTQG giảm nghèo				34.500	6.350	-	-	-		26.495	-	-	5.000		
(1)	Trường PTDT bán trú THCS Thu Lũm	xã Thu Lũm	22-24	2026-22/9/2022	6.000	1.800					1.242			1.500	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG 30a
(2)	Trường PTDT bán trú Tiểu học Thu Lũm	xã Thu Lũm	22-24	2025-22/9/2022	4.000	500					1.253			400	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG 30a
(3)	Nâng cấp hệ thống phòng học + phụ trợ các Trường mầm non trên địa bàn các xã Mương Tè, Bum Nưa, Thu Lũm, huyện Mương Tè	H. Mương Tè	22-24	2045-28/9/2022	7.000	1.000					6.800			800	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG 30a
(4)	Bổ sung các phòng học mầm non trên địa bàn huyện Mương Tè	H. Mương Tè	22-24	2036-26/9/2022	6.000	1.000					5.900			800	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG 30a
(5)	Nâng cấp hệ thống phòng học và phụ trợ các trường Tiểu học trên địa bàn các xã Mương Tè, Bum Nưa, Thu Lũm, huyện Mương Tè	H. Mương Tè	22-24	2037-26/9/2022	7.000	700					6.800			500	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG 30a
(6)	Nhà lớp học bộ môn trường THCS xã Mương Tè	Mương Tè	22-24	1686-05/8/2022	4.500	1.350					4.500			1.000	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG 30a
	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				28.840	22.030	-	-	-		6.200	-	-	5.500		
(7)	Đường đến điểm ĐCĐC Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mương Tè	Can Hồ	22-24	1695-08/8/2022	8.340	4.430					6.200			3.500	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG MTQG
(8)	Đường giao thông bản Pa Thắng - bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mương Tè	Thu Lũm	23-25	397-29/3/2023	20.500	17.600								2.000	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG MTQG
II	Thực hiện các chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025				13.952	13.800	6.616	5.595	6.616	84.57	9.129	5.619	8.257	5.543		
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				13.952	13.800	6.616	5.595	6.616	84.57	9.129	5.619	8.257	5.543		
	<i>Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung</i>				7.752	7.600	3.644	3.644	3.644	100	5.549	2.500	4.548	3.052		
(1)	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi xã Bum Nưa, Vàng San	Bum Nưa, Vàng San	22-24	1685-05/08/2022	7.752	7.600	3.644	3.644	3.644	100.00	5.549	2.500	4.548	3.052	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
	<i>Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030</i>				6.200	6.200	2.972	1.951	2.972	65.66	3.580	3.119	3.709	2.491		
(1)	Đường giao thông các xã Bum Tờ, Can hồ, huyện Mương Tè (Vùng Quê đã trồng, nhân dân trồng)	Bum Tờ	22-24	1693-08/08/2022	4.650	4.650	2.229	1.214	2.229	54.45	2.430	2.100	2.782	1.868	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
(2)	Đường giao thông các xã Bum Tờ, Can Hồ, huyện Mương Tè (Vùng Quê trồng mới, nhân dân trồng)	Bum Tờ	22-24	1694-08/08/2022	1.550	1.550	743	738	743	99.28	1.150	1.019	927	623	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
III	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				34.330	31.721	12.800	3.313	3.600	25.88	16.537	2.700	23.463	8.000		

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Năm 2023			Tỷ lệ giải ngân ngân đến thời điểm báo cáo	Khối lượng thực hiện		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Lũy kế từ khởi công đến 10/10/2023	Thực hiện từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo				
1	Chi đầu tư hạ tầng các khu, điểm quy hoạch bán đấu giá quyền SDD				28.000	27.483	10.543	1.913	2.143	18.14	11.987	-	19.000	6.800		
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023</i>				28.000	27.483	10.543	1.913	2.143	18.14	11.987	-	19.000	6.800		
(1)	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	2022	628-02/4/2021	28.000	27.483	10.543	1.913	2.143	18.14	11.987		19.000	6.800	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Chi đầu tư chương trình xây dựng NTM				6.330	4.238	2.257	1.400	1.457	62.03	4.550	2.700	4.463	1.200		
	<i>Bố trí cho các dự án sau quyết toán</i>				830	527	57	-	57	-	-	-	527	-		
(1)	Đường vào cầu Văng Thảm bản Nậm Cùm, xã Mường Tè	Mường Tè		289-24/10/2019	830	527	57		57	-			527	-	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>				5.500	3.711	2.200	1.400	1.400	63.64	4.550	2.700	3.936	1.200		
(1)	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Can Hồ	Can Hồ	22-24	1993-19/9/2022	3.000	2.211	1.400	1.400	1.400	100.00	2.850	1.600	2.136	700	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NTM
(2)	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất Nậm Lọ xã Can Hồ	Can Hồ	22-24	277-29/9/2022	2.500	1.500	800		-	-	1.700	1.100	1.800	500	UBND xã Can Hồ	LG NTM
IV	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất tỉnh (Thực hiện NQ số 41 của HĐND tỉnh)				2.700	2.700	1.200	-	500	-	800	100	700	-		
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023</i>				1.000	1.000	280	-	280	-	800	100	700	-		
(1)	Hỗ trợ xây dựng chỉnh trang điểm dừng chân khách du lịch	Mường Tè	21-23	735-28/4/2021	1.000	1.000	280		280		800	100	700		UBND xã Mường Tè	
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>				1.700	1.700	920	-	220	-	-	-	-	-		
(1)	Hỗ trợ Nhà văn hóa, công trình phụ trợ bản Bó, xã Mường Tè	Mường Tè	23-25		1.200	1.200	800		200				-		UBND xã Mường Tè	
(2)	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng bản Bó, xã Mường Tè	Mường Tè	23-25		500	500	120		20				-		UBND xã Mường Tè	

Biểu số 04

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 - DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền					Khối lượng thực hiện		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến phân bổ kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW					
					Tổng số	Vốn đầu tư												Nguồn huy động (nếu có)				
						NSTW	NSDP															
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	19	20	23	24	27	28	49		53	
TỔNG SỐ					511.140	467.510	25.006	1.025	238.465	141.380	23.046	23.046	139.839	137.639	14.628	14.628	99.877	99.877	148.718			
A	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm				31.363	26.390	4.739	234	15.037	5.829	6.571	6.571	4.633	2.433	3.569	3.569	1.590	1.590	2.487			
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>				<i>26.573</i>	<i>21.720</i>	<i>4.653</i>	<i>200</i>	<i>12.338</i>	<i>3.130</i>	<i>6.571</i>	<i>6.571</i>	<i>2.711</i>	<i>511</i>	<i>3.569</i>	<i>3.569</i>	<i>511</i>	<i>511</i>	<i>1.437</i>			
1	Sửa chữa, nâng cấp phòng lớp học, nhà công vụ và phụ trợ khác các điểm trường mầm non các bản, xã Năm Khao	Năm Khao	22-23	1689-05/8/2022	1.000	950	50		1.000		-	-			-	-	-	-	150	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện		
2	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Can Hồ	Xã Can Hồ	22-23	1993-19/9/2022	3.000	736	2.211	53	2.850	1.600	-	-	1.400	-	-	-	-	-	-	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
3	Nâng cấp thủy lợi Va Pù, xã Tá Ba	Xã Tá Ba	22-23	309-26/9/2022; 478-02/12/2022	950	900	50		855		97	97	-	-	95	95	-	-	50	UBND xã Tá Ba		
4	Tu sửa, nâng cấp nước sinh hoạt các bản (Thăm Pa, Chà Kề, Xã Hồ) xã Pa Ủ	xã Pa Ủ	22-23	200-29/9/2022	1.800	1.736	64		126		142	142	-	-	142	142	-	-	86	UBND xã Pa Ủ		
5	Sửa chữa NSH các bản (Ma Ký, Mù Cà, Phin Khò) xã Mù Cà	xã Mù Cà	22-23	300-28/9/2022	1.786	1.736	50		125		1.431	1.431	-	-	1.428	1.428	-	-	136	UBND xã Mù Cà		
6	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các bản xã Ka Lăng	xã Ka Lăng	22-23	108-28/9/2022	636	536		100	255		-	-	-	-	-	-	-	-	40	UBND xã Ka Lăng		
7	Tu sửa, nâng cấp nước sinh hoạt các bản (Phin Khò, Nậm Xá, Đầu Nậm Xá) xã Bum Tờ	xã Bum Tờ	22-23	465-29/9/2022	1.800	1.736	64		126		297	297	-	-	294	294	-	-	86	UBND xã Bum Tờ		
8	Tu sửa, nâng cấp nước sinh hoạt các bản Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	22-23	330-27/9/2022	934	876	11	47	280		820	820	-	-	-	-	-	-	56	UBND xã Pa Vệ Sù		
9	Tu sửa, nâng cấp nước sinh hoạt các bản xã Vàng San	Xã Vàng San	22-23	262a-26/9/2022	1.844	1.736	108		553		1.600	1.600	-	-	1.145	1.145	-	-	136	UBND xã Vàng San		
10	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất bản Lá Pê xã Tá Ba	Xã Tá Ba	22-23	310-26/9/2022	926	836	90		648		-	-	-	-	-	-	-	-	36	UBND xã Tá Ba		
11	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất Nậm Lo xã Can Hồ	Xã Can Hồ	22-23	277-29/9/2022	2.500	1.000	1.500		1.700	1.100	-	-	800	-	-	-	-	-	-	-	UBND xã Can Hồ	LG NSDP
12	Đường giao thông trục bản, nội bản, rãnh thoát nước môi trường các bản xã Thu Lùm	Xã Thu Lùm	22-23	157-29/9/2022	2.800	2.746	54		1.270	430	-	-	511	511	-	-	511	511	135	UBND xã Thu Lùm		
13	Đường giao thông trục bản, nội bản, rãnh thoát nước môi trường các bản xã Bum Nưa	xã Bum Nưa	22-23	125-26/9/2022	765	755	10		230		-	-	-	-	-	-	-	-	155	UBND xã Bum Nưa		
14	Đường giao thông trục bản, nội bản, rãnh thoát nước môi trường các bản xã Ka Lăng	xã Ka Lăng	22-23	107-28/9/2022	1.300	1.200	100		390		625	625	-	-	-	-	-	-	50	UBND xã Ka Lăng		
15	Đường giao thông đến bản Phi Chi B, xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	22-23	331-27/9/2022	982	860	122		295		170	170	-	-	92	92	-	-	40	UBND xã Pa Vệ Sù		
16	Nâng cấp, làm mới đường giao thông trục bản, nội bản, rãnh thoát nước các bản xã Mường Tè	Xã Mường Tè	22-23	266-30/9/2022	1.650	1.645	5		495		352	352	-	-	-	-	-	-	145	UBND xã Mường Tè		

ST T	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền				Khối lượng thực hiện		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến phân bổ kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				
					Tổng số	Vốn đầu tư															Nguồn huy động (nếu có)
						NSTW	NSDP														
17	Nâng cấp, làm mới đường giao thông trục bản, nội bản, rãnh thoát nước các bản xã Tả Tổng	Xã Tả Tổng	22-23	428-30/9/2022	1.900	1.736	164		1.140		1.036	1.036	-		373	373	-		136	UBND xã Tả Tổng	
	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>				4.790	4.670	85	35	2.699	2.699	-	-	1.922	1.922	-	-	1.079	1.079	1.050		
1	Đường giao ra khu sản xuất bản Giảng xã Mường Tè	Mường Tè	23-25	341-29/11/2022	1.620	1.570	30	20	105	105	-	-	811	811	-	-	-	-	188	UBND xã Mường Tè	
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các bản xã Thu Lũm	Thu Lũm	23-25	180B-25/11/2022	670	620	35	15	165	165	-	-	300	300	-	-	299	299	95	UBND xã Thu Lũm	
3	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa trung tâm xã Bum Nua	Bum Nua	23-25	2623-28/11/2022	2.500	2.480	20		2.429	2.429	-	-	811	811	-	-	779	779	767	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2024</i>				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				182.797	172.927	9.849	21	105.617	67.039	7.639	7.639	43.931	43.931	6.381	6.381	36.041	36.041	53.217		
	Dự án 1				182.797	172.927	9.849	21	105.617	67.039	7.639	7.639	43.931	43.931	6.381	6.381	36.041	36.041	53.217		
	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo				182.797	172.927	9.849	21	105.617	67.039	7.639	7.639	43.931	43.931	6.381	6.381	36.041	36.041	53.217		
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>				181.797	171.948	9.849	-	105.175	66.597	7.639	7.639	43.731	43.731	6.381	6.381	35.841	35.841	52.545		
1	Nâng cấp đường giao thông Lô Mé, Lê Giảng, Là Pê 1,2; trung tâm xã Tả Pa	Tả Pa	22-24	1717-12/8/2022; 597-29/11/2022	20.000	20.000			12.920	10.050	1.394	1.394	4.000	4.000	1.394	1.394	4.000	4.000	5.809	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Cấp điện nông thôn đến các bản Các xã Tả Tổng (A Mé); Pa Vệ Sừ (Chà Gá, Sin Chải C); Mù Cá (Mò Su); Tả Pa (Là Si; Va Pù)	Tả Tổng, Pa Vệ Sừ, Mù Cá, Tả Pa	22-24	1684-05/8/2022; 155-09/11/2022	35.000	35.000			16.200	14.155	-	-	9.506	9.506	-	-	9.506	9.506	12.047	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
3	Đường giao thông liên vùng từ bản Mo Chi - bản Cờ Lò, xã Pa Ủ - bản Nậm Phìn, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè.	Pa Ủ, Nậm Khao	22-24	1718-12/8/2022; 595-29/11/2022	35.000	35.000			3.461	530	-	-	4.700	4.700	-	-	-	-	16.850	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
4	Kiên cố thủy lợi Na Cai Bàng bản Giảng, xã Mường Tè	xã Mường Tè	22-24	1666-05/8/2022	4.556	4.556			4.240	2.491	-	-	1.300	1.300	-	-	1.300	1.300	934	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
5	Thủy lợi Long Co Cu + Huổi Y Lin xã Mường Tè	xã Mường Tè	22-24	1678-05/8/2022	4.000	4.000			3.957	2.760	-	-	1.200	1.200	-	-	1.071	1.071	762	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
6	Thủy lợi Cừ Phu Á Te bản Thu Lũm 1 xã Thu Lũm	Thu Lũm	22-24	1671-05/8/2022	5.400	5.400			4.876	3.347	-	-	1.600	1.600	-	-	1.590	1.590	1.048	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
7	Kiên cố thủy lợi Nà Cầu, xã Mường Tè	xã Mường Tè	22-24	1673-05/8/2022	5.000	5.000			4.634	2.914	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	952	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
8	Nhà lớp học bộ môn trường THCS xã Mường Tè, huyện Mường Tè	xã Mường Tè	22-24	1686-05/8/2022	4.500	3.150	1.350		4.500	2.500	-	-	1.350	1.350	-	-	1.350	1.350	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
9	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia bản (A Chè, Suối Voi, Nậm Phìn, Cờ Lò) thuộc các xã, huyện Mường Tè	Thu Lũm, Can Hồ, Pa Ủ	22-24	1683-05/8/2022; 387-07/10/2022	24.841	21.342	3.499		12.000	8.885	-	-	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	7.003	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền				Khối lượng thực hiện		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến phân bổ kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				
					Tổng số	Vốn đầu tư															Nguồn huy động (nếu có)
						NSTW	NSDP														
10	Thủy lợi Xé Giá bản Pa Thắng	Thu Lũm	22-24	1670- 05/8/2022	4.000	4.000			3.776	2.932	-		1.200	1.200	-		1.200	1.200	762	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
11	Nâng cấp thủy lợi Na Múm bản Năm Cùm xã Mường Tè	xã Mường Tè	22-24	1672- 05/8/2022	1.500	1.500			745	370	64	64	300	300	64	64	36	36	436	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
12	Trường PTDT bán trú THCS Thu Lũm	xã Thu Lũm	22-24	2026- 22/9/2022	6.000	4.200	1.800		1.242	820	518	518	1.000	1.000	-		-	-	340	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
13	Trường PTDT bán trú Tiểu học Thu Lũm	xã Thu Lũm	22-24	2025- 22/9/2022	4.000	3.500	500		1.253	832	413	413	545	545	-		545	545	971	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
14	Nâng cấp hệ thống phòng học + phụ trợ các Trường mầm non trên địa bàn các xã Mường Tè, Bum Nưa, Thu Lũm, huyện Mường Tè	H. Mường Tè	22-24	2045- 28/9/2022	7.000	6.000	1.000		6.800	3.000	-		2.100	2.100	-		2.100	2.100	443	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
15	Bổ sung các phòng học mầm non trên địa bàn huyện Mường Tè	H. Mường Tè	22-24	2036- 26/9/2022	6.000	5.000	1.000		5.900	3.700	-		1.800	1.800	-		1.800	1.800	252	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
16	Nâng cấp hệ thống phòng học và phụ trợ các trường Tiểu học trên địa bàn các xã Mường Tè, Bum Nưa, Thu Lũm, huyện Mường Tè	H. Mường Tè	22-24	2037- 26/9/2022	7.000	6.300	700		6.800	3.000	-		3.500	3.500	-		3.443	3.443	0	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
17	Xây dựng sân thể thao xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa	22-24	126- 26/9/2022	2.000	2.000			1.045	530	-		400	400	-		400	400	381	UBND xã Bum Nưa	
18	Nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Tè	xã Mường Tè	22-24	256- 28/9/2022	4.000	4.000			3.102	602	6	6	580	580	-		-	-	767	UBND xã Mường Tè	
19	Xây dựng sân thể thao xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	22-24	153- 26/9/2022	2.000	2.000			1.145	545	800	800	600	600	739	739	600	600	381	UBND xã Thu Lũm	
20	Hệ thống đường giao thông nội đồng các bản xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	xã Bum Nưa	22-24	126a- 26/9/2022	3.150	3.150			2.075	1.130	1.800	1.800	400	400	1.800	1.800	400	400	605	UBND xã Bum Nưa	
21	Hệ thống đường giao thông ra khu sản xuất bản Năm Hân, Năm Cùm xã Mường Tè	xã Mường Tè	22-24	255- 28/9/2022	5.000	4.980		20	2.320	820	1.550	1.550	500	500	1.291	1.291	-	-	954	UBND xã Mường Tè	
22	Hệ thống đường giao thông nội đồng các bản xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	22-24	155- 29/9/2022	4.500	4.490		10	2.184	684	1.093	1.093	650	650	1.093	1.093	-	-	848	UBND xã Thu Lũm	
	Các dự án chuyển tiếp				1.000	979	-	21	442	442	-	-	200	200	-	-	200	200	672		
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Thu Lũm 1 xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	23-24	180C- 25/11/2022	1.000	979		21	442	442	-	-	200	200	-	-	200	200	672	UBND xã Thu Lũm	
	Các dự án khởi công mới năm 2024				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
C	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				296.980	268.193	10.418	769	117.811	68.512	8.836	8.836	91.275	91.275	4.678	4.678	62.246	62.246	93.013		
	Dự án 1				10.784	10.784	-	-	6.808	3.634	-	-	5.020	5.020	-	-	2.786	2.786	2.175		
	Các dự án hoàn thành năm 2023				5.811	5.811	-	-	5.591	2.417	-	-	1.160	1.160	-	-	1.160	1.160	-		
1	Nước sinh hoạt bản Huổi Han, xã Bum Tở, huyện Mường Tè	Bum Tở	22-24	1680- 05/8/2022	2.905	2.905			2.794	1.430	-		546	546	-		546	546	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Nâng cấp, sửa chữa NSH các bản Năm Cầu, Tá Phin, xã Bum Tở, huyện Mường Tè	Bum Tở	22-24	1681- 05/8/2022	2.906	2.906			2.797	987	-		614	614	-		614	614	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
	Các dự án chuyển tiếp				4.973	4.973	-	-	1.217	1.217	-	-	3.860	3.860	-	-	1.625	1.625	1.113		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền				Khối lượng thực hiện		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến phân bổ kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				
					Tổng số	Vốn đầu tư															Nguồn huy động (nếu có)
						NSTW	NSDP														
1	Nước sinh hoạt bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Thu Lũm	23-24	2621-28/11/2022	2.000	2.000			646	646	-	-	1.920	1.920	-	-	612	612	80	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Nước sinh hoạt bản A Mé, U Na xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	Tà Tổng	23-25	2622-28/11/2022	2.973	2.973			571	571	-	-	1.940	1.940	-	-	1.013	1.013	1.033	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
Phân bổ chi tiết sau					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.062	
Dự án 2					25.400	19.428	5.972	-	5.761	1.441	-	-	4.688	4.688	-	-	3.651	3.651	5.277		
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					25.400	19.428	5.972	-	5.761	1.441	-	-	4.688	4.688	-	-	3.651	3.651	5.277		
1	Sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Thu Lũm	22-24	1696-08/8/2022	5.900	4.634	1.266		500	150	-	-	1.000	1.000	-	-	-	-	1.254	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Chà Di, xã Bum Tờ huyện Mường Tè	Bum Tờ	22-24	1716-12/8/2022; 529-07/11/2022	19.500	14.794	4.706		5.261	1.291	-	-	3.688	3.688	-	-	3.651	3.651	4.023	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
Dự án 3					14.030	14.030	-	-	-	-	1.813	1.813	2.429	2.429	-	-	-	-	2.640		
Huyện Mường Tè					14.030	14.030	-	-	-	-	1.813	1.813	2.429	2.429	-	-	-	-	2.640		
Tiểu dự án 2 - Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ vùng trồng được liệu quý (Hỗ trợ kinh phí cài tạo hạ tầng)					14.030	14.030					1.813	1.813	2.429	2.429	-	-	-	-	2.640		Phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện
Tiểu dự án 1, Dự án 4					166.680	144.430	4.340	310	61.642	34.400	4.737	4.737	47.860	47.860	3.568	3.568	33.131	33.131	48.253		
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					70.540	65.890	4.340	310	53.610	26.368	4.737	4.737	22.047	22.047	3.568	3.568	15.262	15.262	8.140		
1	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ các bản Cồng Khà, Lò Na, Gò Khà, U Ma xã Thu Lũm	Thu Lũm	22-24	1677-05/8/2022	5.500	5.500			5.302	2.375	-	-	2.310	2.310	-	-	1.800	1.800	290	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Mù Ca, huyện Mường Tè	Mù Ca	22-24	1676-05/8/2022	5.100	5.100			1.200	748	1.034	1.034	80	80	-	-	80	80	2.320	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
3	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Pa Ủ	22-24	1674-05/8/2022	5.800	5.800			4.437	2.724	765	765	1.800	1.800	765	765	51	51	900	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
4	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Pa Vệ Sủ	22-24	1679-05/8/2022	6.800	6.800			4.449	2.143	-	-	2.200	2.200	-	-	699	699	1.000	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
5	Đường giao thông đến bản A Mé, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	Tà Tổng	22-24	1697-08/8/2022	5.300	5.300			5.100	1.230	-	-	2.950	2.950	-	-	2.950	2.950	550	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
6	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Bum Tờ	22-24	1675-05/8/2022	5.200	5.200			4.856	2.759	-	-	1.600	1.600	-	-	1.600	1.600	800	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
7	Đường đến điểm DCDC Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Can Hồ	22-24	1695-08/8/2022	8.340	4.000	4.340		6.200	4.700	-	-	697	697	-	-	697	697	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
8	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Vàng San	22-24	1669-05/8/2022	6.100	6.100			6.000	2.723	-	-	2.180	2.180	-	-	2.180	2.180	620	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
9	Đường giao thông nội bản các bản (Xà Hồ, Pha Bu, Cờ Lò) xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Ủ	22-24	201-29/9/2022	1.100	1.100			985	555	-	-	450	450	-	-	282	282	50	UBND xã Pa Ủ	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền				Khối lượng thực hiện		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến phân bố kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				
					Tổng số	Vốn đầu tư															Nguồn huy động (nếu có)
						NSTW	NSDP														
10	Đường giao thông nội bản các bản (Vàng San, Pắc Pạ, Sang Sui) xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	22-24	266-28/9/2022	1.000	1.000			848	548	-		350	350	-		303	303	50	UBND xã Vàng San	
11	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt Khu phố 11, Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè	22-24	98-29/9/2022	1.500	1.500			1.480	1.030	660	660	450	450	660	660	377	377	50	UBND thị trấn	
12	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	22-23	156-29/9/2022	2.400	2.390	10		1.985	420	-		650	650	-		612	612	340	UBND xã Thu Lũm	
13	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Xã Ka Lăng	22-23	109-28/9/2022	2.000	2.000			1.610	610	135	135	600	600	-		-	-	300	UBND xã Ka Lăng	
14	Đường giao thông nội bản các bản (Ló Mé, Lê Giảng, Vạ Pù, Nhóm Pố) xã Tá Ba, huyện Mường Tè	Xã Tá Ba	22-23	311-26/9/2022	1.300	1.300			978	588	-		450	450	-		331	331	50	UBND xã Tá Ba	
15	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản xã Mù Cà, huyện Mường Tè	Xã Mù Cà	22-24	299-28/9/2022	4.300	4.000	300		2.374	869	1.800	1.800	1.900	1.900	1.800	1.800	1.900	1.900	300	UBND xã Mù Cà	
16	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản (Dền Thăng, Khoang Thèn, Sin Chải A+C) xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sủ	22-24	329-26/9/2022	2.800	2.800			1.595	855	-		1.200	1.200	-		-	-	100	UBND xã Pa Vệ Sủ	
17	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất xã Năm Khao, huyện Mường Tè	Xã Năm Khao	22-24	321-28/9/2022	3.600	3.600			2.787	787	344	344	1.400	1.400	344	344	1.400	1.400	300	UBND xã Năm Khao	
18	Đường vào khu sản xuất điểm dân cư Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Xã Can Hồ	22-24	286-29/9/2022	2.400	2.400			1.424	704	-		780	780	-		-	-	120	UBND xã Can Hồ	
Các dự án chuyển tiếp					96.140	78.540	-	-	8.032	8.032	-	-	25.813	25.813	-	-	17.870	17.870	40.113		
1	Chợ xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Ka Lăng	23-25	2629-30/11/2022	3.000	3.000			1.430	1.430	-		1.583	1.583	-		1.583	1.583	935	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Cứng hóa đường từ các bản Sin Chải A + B, Chà Gá đến trung tâm xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Pa Vệ Sủ	23-25	2616-28/11/2022: 81-10/4/2023	26.330	26.330			2.200	2.200	-		8.000	8.000	-		7.563	7.563	14.101	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
3	Cứng hóa đường từ các bản Xà Hồ, Pa Ủ, Hà Xi đến trung tâm xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Pa Ủ	23-25	2617-28/11/2022	14.000	14.000			555	555	-		5.000	5.000	-		3.822	3.822	6.752	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
4	Cứng hóa đường giao thông Km 13 - bản Pa Thăng - TT xã Thu Lũm	Thu Lũm	23-25	2618-28/11/2022	28.310	28.310			2.637	2.637	-		9.030	9.030	-		4.437	4.437	14.733	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
5	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản (Xà Hồ, Ủ Ma) xã Pa Ủ	Pa Ủ	23-24	242-26/11/2022	2.000	2.000			545	545	-		1.100	1.100	-		-	-	579	UBND xã Pa Ủ	
6	Đường giao thông nội bản các bản (Phin Khò, Tá Phin, Đầu Năm Xã, Huồi Han) xã Bum Tờ	Bum Tờ	23-24	572a-28/11/2022	2.000	2.000			665	665	-		1.100	1.100	-		465	465	579	UBND xã Bum Tờ	
7	Đường giao thông bản Pa Thăng - bản A Chê, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Thu Lũm	23-25	397-29/3/2023	20.500	2.900							-	-			-	-	2.434	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	LG NSDP
c Dự án khởi công mới năm 2024					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiểu dự án 1. Dự án 5					12.352	12.352	-	-	8.750	4.652	218	218	4.882	4.882	218	218	4.135	4.135	6.339		
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					5.923	5.923	-	-	5.750	2.852	218	218	1.782	1.782	218	218	1.782	1.782	499		
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH& THCS Bum Tờ, huyện Mường Tè	Bum Tờ	22-24	1690-05/8/2022	2.763	2.763			2.740	1.152	-		850	850	-		850	850	213	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền				Khối lượng thực hiện		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến phân bổ kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				
					Tổng số	Vốn đầu tư															Nguồn huy động (nếu có)
						NSTW	NSDP														
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Tà Tổng, huyện Mường Tè	Tà Tổng	22-24	1661-05/8/2022	3.160	3.160			3.010	1.700	218	218	932	932	218	218	932	932	286	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
Các dự án chuyển tiếp					6.429	6.429	-	-	3.000	1.800	-	-	3.100	3.100	-	-	2.353	2.353	3.329		
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Năm Khao, huyện Mường Tè	Năm Khao	23-25	2624-28/11/2022	1.200	1.200			1.000	600	-	-	1.100	1.100	-	-	353	353	100	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS xã Pa Vệ Sù, huyện Mường Tè	Pa Vệ Sù	23-25	2627-30/11/2022	5.229	5.229			2.000	1.200	-	-	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	3.229	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
Dự án khởi công mới năm 2024					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.511	<i>Phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện</i>
Dự án 6					14.170	13.605	106	459	3.705	2.897	1.958	1.958	3.844	3.844	857	857	800	800	4.998		
Các dự án hoàn thành năm 2023					4.180	3.705	106	369	2.831	2.023	1.958	1.958	838	838	857	857	302	302	-		
1	Nhà văn hóa bán Vạ Pù, xã Tá Ba, huyện Mường Tè	xã Tá Ba	22-23	313-26/9/2022	330	285	16	29	201	135	-	-	35	35	-	-	5	5		UBND xã Tá Ba	
2	Nhà văn hóa bán Nhóm Pố, xã Tá Ba, huyện Mường Tè	xã Tá Ba	22-23	314-26/9/2022	330	285	16	29	207	167	-	-	35	35	-	-	6	6		UBND xã Tá Ba	
3	Nhà văn hóa bán Lá Si xã Tá Ba	xã Tá Ba	22-23	315-26/9/2022	330	285		45	203	120	-	-	85	85	-	-	6	6		UBND xã Tá Ba	
4	Nhà văn hóa bán Pá Khá xã Tà Tổng	xã Tà Tổng	22-23	429-30/9/2022	300	285		15	205	160	200	200	85	85	-	-	-	-		UBND xã Tà Tổng	
5	Nhà văn hóa bán Năm Dinh xã Tà Tổng	xã Tà Tổng	22-23	431-30/9/2022	300	285	15		241	175	200	200	85	85	-	-	-	-		UBND xã Tà Tổng	
6	Nhà văn hóa bán Nhú Ma xã Pa Ú, huyện Mường Tè	xã Pa Ú	22-23	198-20/9/2022	330	285		45	256	173	250	250	35	35	250	250	27	27		UBND xã Pa Ú	
7	Nhà văn hóa bán Hà Xi xã Pa Ú, huyện Mường Tè	xã Pa Ú	22-23	199-21/9/2022	330	285		45	247	165	250	250	35	35	250	250	21	21		UBND xã Pa Ú	
8	Nhà văn hóa bán Chá Kế xã Pa Ú	xã Pa Ú	22-23	199a-27/9/2022	330	285		45	191	146	200	200	85	85	200	200	74	74		UBND xã Pa Ú	
9	Nhà văn hóa bán Khoang Thên xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	22-23	338-27/9/2022	300	285	15		217	151	250	250	35	35	-	-	-	-		UBND xã Pa Vệ Sù	
10	Nhà văn hóa bán Pá Ha xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	22-23	340-27/9/2022	300	285	15		202	157	250	250	35	35	-	-	-	-		UBND xã Pa Vệ Sù	
11	Nhà văn hóa bán Xá Phìn xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	22-23	339-27/9/2022	300	285	15		222	135	200	200	85	85	-	-	-	-		UBND xã Pa Vệ Sù	
12	Nhà văn hóa bán Mù Cá xã Mù Cá	xã Mù Cá	22-23	300a-28/9/2022	400	285		115	227	172	157	157	128	128	157	157	93	93		UBND xã Mù Cá	
13	Nhà văn hóa bán Si Thầu Chải xã Can Hồ	xã Can Hồ	22-23	287-29/9/2022	300	285	15		212	167	1	1	75	75	-	-	70	70		UBND xã Can Hồ	
Các dự án chuyển tiếp					1.800	1.710	-	90	874	874	-	-	1.500	1.500	-	-	498	498	210		
1	Nhà văn hóa Bán Xá Hồ, xã Pa Ú	Pa Ú	23-24	250A-28/11/2022	300	285		15	140	140	-	-	250	250	-	-	-	-	35	UBND xã Pa Ú	
2	Nhà văn hóa Bán Pha Bu, xã Pa Ú	Pa Ú	23-24	250B-28/11/2022	300	285		15	163	163	-	-	250	250	-	-	-	-	35	UBND xã Pa Ú	
3	Nhà văn hóa Bán Sín Chải B, xã Pa Vệ Sù	Pa Vệ Sù	23-24	439a/26/11/2022	300	285		15	160	160	-	-	250	250	-	-	-	-	35	UBND xã Pa Vệ Sù	
4	Nhà văn hóa Bán Sín Chải A, xã Pa Vệ Sù	Pa Vệ Sù	23-24	439b/26/11/2022	300	285		15	154	154	-	-	250	250	-	-	-	-	35	UBND xã Pa Vệ Sù	
5	Nhà văn hóa A Chè, xã Thu Lùm	Thu Lùm	23-24	180D-25/11/2022	300	285		15	130	130	-	-	250	250	-	-	250	250	35	UBND xã Thu Lùm	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền				Khối lượng thực hiện		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến phân bổ kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023 Từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				
					Tổng số	Vốn đầu tư															Nguồn huy động (nếu có)
						NSTW	NSDP														
6	Nhà văn hóa bản Phìn Khò, xã Bum Tờ	Bum Tờ	23-24	572b- 28/11/2022	300	285		15	127	127	-		250	250	-		248	248	35	UBND xã Bum Tờ	
*	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số				8.190	8.190	-	-	-	-	-	-	1.506	1.506	-	-	-	-	3.988		<i>Phân bổ chỉ tiêu khi đủ điều kiện</i>
	Dân tộc Si La (Bản Seo Hai, xã Can Hồ, huyện Mường Tè)	Can Hồ			8.190	8.190							1.506	1.506							
	<i>Dự án khởi công mới năm 2024</i>				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	800		<i>Phân bổ chỉ tiêu khi đủ điều kiện</i>
	Dự án 9				53.564	53.564	-	-	31.145	21.488	110	110	22.552	22.552	35	35	17.744	17.744	23.331		
	<i>Các dự án hoàn thành năm 2024</i>				47.004	47.004	-	-	26.145	16.488	110	110	19.552	19.552	35	35	14.744	14.744	10.831		
1	Nâng cấp đường giao thông đến bản A Mai, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Pa Vệ Sủ	22-24	1698- 08/8/2022	2.700	2.700			2.685	1.185	-		1.100	1.100	-		1.100	1.100	300	UBND xã Pa Vệ Sủ	
2	Sửa chữa thủy lợi Huổi Ngô, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Can Hồ	22-24	1668- 05/8/2022; 917A- 18/7/2023	1.600	1.600			1.580	263	-		600	600	-		534	534	200	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
3	Sửa chữa thủy lợi Huổi Côm, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Can Hồ	22-24	1667- 05/8/2022;9 16A- 18/7/2023	1.600	1.600			1.380	450	-		600	600	-		363	363	200	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
4	Kê bảo vệ khu dân cư bản Nậm Cùm, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Bum Nưa	22-24	1665- 05/8/2022	13.500	13.500			8.422	5.608	-		6.155	6.155	-		4.339	4.339	3.159	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
5	Kê bảo vệ mặt bằng cho khu dân cư, trường học bản Lăng Phiếu, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Nậm Khao	22-24	1689- 05/8/2022	3.000	3.000			2.368	2.137	-		945	945	-		945	945	-	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng bản Nậm Suông, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	22-24	2077a- 30/9/2022	19.542	19.542			6.299	5.409	-		8.000	8.000	-		5.353	5.353	6.542	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
7	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Pu Khen 1, bản Nậm Sé, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	22-24	262b- 26/9/2022	960	960			574	286	-		400	400	-		400	400	80	UBND xã Vàng San	
8	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Nậm Khum, bản Nậm Xuông, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	22-24	265- 28/9/2022	702	702			501	290	0	0	300	300	-		299	299	52	UBND xã Vàng San	
9	Thủy lợi Ty Tông 1 bản A Mai, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sủ	22-24	334- 26/9/2022	1.120	1.120			696	360	75	75	500	500	-		500	500	70	UBND xã Pa Vệ Sủ	
10	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bản Seo Hai + Si Thâu Chải, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Xã Can Hồ	22-24	278- 29/9/2022	2.280	2.280			1.640	500	35	35	952	952	35	35	911	911	228	UBND xã Can Hồ	
	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>				6.560	6.560	-	-	5.000	5.000	-	-	3.000	3.000	-	-	3.000	3.000	3.560		
1	Phòng công vụ giáo viên, bản trú học sinh trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khao (điểm bản Lăng Phiếu)	Nậm Khao	23-24	2631- 30/11/2022	6.560	6.560			5.000	5.000	-		3.000	3.000	-		3.000	3.000	3.560	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2024</i>				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.940		<i>Phân bổ chỉ tiêu khi đủ điều kiện</i>